

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát TTHC;*

*Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 14/TTr-STP ngày 05/02/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo quyết định này Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Giao Sở Tư pháp căn cứ Danh mục TTHC được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết TTHC để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết, công khai thực hiện.

2. Rà soát quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để tham mưu quy trình mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành.

Nội dung công bố TTHC lĩnh vực Nuôi con nuôi tại Danh mục kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh (Đ/c Hà);
- PCVP UBND tỉnh (Đ/c Hùng);
- UBND các xã, phường, thị trấn  
(do UBND cấp huyện gửi);
- Các Phòng, TT: NC, PVHCC, CN&CTTĐT;
- Lưu: VT, KSTTHC (B\_03b).



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Hà**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI THUỘC THẨM QUYỀN**  
**GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN VÀ UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
*(Kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_ /QĐ-UBND ngày \_\_\_\_/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**I. DANH MỤC TTHC CẤP TỈNH** *(đã được công bố tại số thứ tự 1, 2, 3, 4 Phần A Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng (1.003976)	<p>- Thời gian Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc UBND cấp huyện có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p><i>Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, thời gian Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi ở nước ngoài: 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi.</i></p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Thời gian cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>+ 9.000.000 đồng/trường hợp.</p> <p>Trường hợp nhận 02 trẻ em trở lên là anh em ruột thì trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.</p> <p>+ Chi phí: 50.000.000 đồng/trường hợp.</p> <p>Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn chi phí.</p>	<p>- Luật Nuôi con nuôi năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ;</p> <p>- <i>Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;</i></p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 07/9/2012 giữa Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp;</p>

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và UBND cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với UBND cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i> kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</li> <li>- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</li> <li>- Thời gian UBND cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</li> <li>- Thời gian Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại trong trường hợp UBND cấp tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 90 ngày, kể từ ngày UBND cấp tỉnh có văn bản không đồng ý.</li> <li>- Thời gian Sở Tư pháp chuyển cho <i>Bộ Tư pháp</i> 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của</li> </ul>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>UBND cấp tỉnh (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 05 ngày làm việc, kể từ ngày UBND cấp tỉnh đồng ý.</p> <p>- Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i> kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</p> <p>- Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i> thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</p>			

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi (1.004878)	<p>- Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan, xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài và thông báo cho người nhận con nuôi, Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 30 ngày, kể từ ngày nhận được các giấy tờ Sở Tư pháp gửi.</p> <p>- Thời gian Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp về kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú, người nhận con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>- Mức thu lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi.</p> <p>- Mức thu chi phí: Không quy định.</p>	<p>- Luật Nuôi con nuôi năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (1.003179)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> </ul>
4	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (1.003160)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</li> <li>- UBND tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	4.500.000 đồng/trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;</i></li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>

**II. DANH MỤC TTHC CẤP HUYỆN** (đã được công bố tại số thứ tự 5 Phần A; Phần B Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (2.002363)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</li> <li>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc</li> </ul>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 80.000 đồng.</li> <li>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</li> <li>- Phí cấp bản sao Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014;</li> <li>- Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- <i>Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;</i></li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020, Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020, Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022, Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016, Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019, Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> <li>- Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.</li> </ul>



Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Cấp Giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (2.002349)	Không quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>

**III. DANH MỤC TTHC CẤP XÃ** (đã được công bố tại Phần C Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước (2.001263)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi:</li> <li>Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận</li> </ul>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 400.000 đồng /trường hợp;</li> <li>- Miễn lệ phí cho trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ;</li> </ul>

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p><i>được đề nghị của người nhận con nuôi, UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú trực tiếp xác minh trong 05 ngày làm việc hoặc có văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, UBND cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá theo nội dung Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi và có văn bản thông báo kết quả đánh giá cho UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến;</li> <li>- Thời gian tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho bên giao và bên nhận: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.</li> </ul>		<p>vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận trẻ em khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước (2.001255)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> </ul>
3	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (1.003005)	<p>Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người liên quan: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</li> <li>- Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến;</li> <li>- Sở Tư pháp có ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp xã;</li> <li>- Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao nhận con nuôi: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp.</li> </ul>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi thường trú	4.500.000 đồng/trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>

**Ghi chú:** Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.